

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Ngô Thị P**, sinh năm 1986. HKTT: Tổ A, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (có mặt).

2. *Bị đơn:* **Ông Trần Thiện A**, sinh năm 1963. Địa chỉ: L5L 3X6, Canada. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2021 và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Trần Thiện A** đăng ký kết hôn ngày 14/11/2017 tại UBND quận T, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống trong khoảng thời gian một tháng. Sau đó ông **Trần Thiện A** bay về Canada để sinh sống, còn bà vẫn sống tại Việt Nam. Đến tháng 5 năm 2018 thì **Ông A** về Việt

Nam chung sống với bà trong thời gian một tháng, lúc này ông bà bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là có nhiều bất đồng trong cuộc sống khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đến tháng 7 năm 2018 **Ông A** quay lại Canada và không còn liên lạc với bà.

Nay bà xác định không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông **Trần Thiện A**.

Về con chung: Bà xác định bà và ông **Trần Thiện A** không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông **Trần Thiện A** không có tài sản chung, nợ chung.

Bà đề nghị Tòa án xem xét rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và thống nhất không qua thủ tục hòa giải.

** Bị đơn ông **Trần Thiện A** trình bày (Theo đơn trình bày được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán Việt Nam tại Canada, số: 48/01/2022/CNLS/HPHLS ngày 21/01/2022):*

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà **Ngô Thị P**.

Về con chung: Ông xác định ông và bà **Ngô Thị P** không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà **Ngô Thị P** không có tài sản chung và nợ chung. Hiện nay ông đang sinh sống tại Canada, nên đề nghị Tòa xem xét rút ngắn thời gian xét xử và cho phép ông vắng mặt khi Tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà **Ngô Thị P**, địa chỉ: Tổ A, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông **Trần Thiện A**, địa chỉ: L5L 3X6, Canada nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà **Ngô Thị P** và bị đơn ông **Trần Thiện A**, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông **Trần Thiện A** theo đường dịch vụ bưu chính. Ngày 29/3/2022, Tòa án nhân dân

thành phố Đà Nẵng nhận được đơn xét xử vắng mặt và rút ngắn thời gian giải quyết vụ án của ông **Trần Thiện A** về yêu cầu ly hôn của bà **Ngô Thị P**. Vì vậy, HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông **Trần Thiện A**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Ngô Thị P** và ông **Trần Thiện A** đăng ký kết hôn ngày 14/11/2017 tại UBND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa bà **Ngô Thị P** trình bày: Nguyên nhân bà yêu cầu ly hôn với ông **Trần Thiện A** là do: Sau khi kết hôn và chung sống với nhau một tháng, **Ông A** quay lại Canada sinh sống. Đến tháng 6 năm 2018 **Ông A** quay về Việt Nam thì vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong lối sống, thường xuyên cãi vã nên từ tháng 7 năm 2018 **Ông A** quay về Canada và không còn liên lạc với bà Phú. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với ông **Trần Thiện A**.

Còn ông **Trần Thiện A** vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong hồ sơ thể hiện ông đồng ý ly hôn với bà **Ngô Thị P**.

Xét yêu cầu ly hôn của bà **Ngô Thị P** thấy: Sau khi kết hôn vào ngày 14/11/2017, ông bà chung sống với nhau được hai tháng, đến tháng 6 năm 2018 thì bắt đầu mâu thuẫn, không hòa giải và hàn gắn được. Hiện **Ông A** đang sinh sống tại Canada, còn **Bà P** vẫn sinh sống tại Việt Nam, mỗi người sống mỗi nơi. Xét thấy, hôn nhân giữa **Bà P** và **Ông A** chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của **Bà P** đối với **Ông A** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà **Ngô Thị P** và ông **Trần Thiện A** không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Ngô Thị P** và ông **Trần Thiện A** xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **Ngô Thị P** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn” của bà **Ngô Thị P** đối với ông **Trần Thiện A**.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà **Ngô Thị P** đối với ông **Trần Thiện A**.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà **Ngô Thị P** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004796 ngày 08/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà **Ngô Thị P** đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà **Ngô Thị P** được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **Trần Thiện A** vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND quận T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

